

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30-6-2022

*“V/v ly hôn, nuôi con khi ly hôn”*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG-TỈNH HẢI DƯƠNG**

**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Hiền - Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Lan và bà Hoàng Thu Hà

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Hồng Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số 228/2022/TLST-HNGĐ ngày 09/5/2022 về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/6/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Quỳnh T**, sinh năm 1996; HKTT: Số 2D/31 P, phường P, thành phố H, tỉnh Hải Dương; nơi cư trú: Số 02/19/37 H, phường C, thành phố H, tỉnh Hải Dương (*có mặt*).

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1991; HKTT và cư trú: Số 2D/31 P, phường P, thành phố H, tỉnh Hải Dương (*có mặt*).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Quỳnh T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký và được UBND phường P, thành phố H, tỉnh Hải Dương cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 06/10/2016. Sau kết hôn, vợ chồng ở cùng gia đình anh C và chung sống hạnh phúc được hơn hai năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, thường bất đồng quan điểm nên dẫn tới vợ chồng thiếu tôn trọng nhau và thường xuyên xảy ra cãi vã. Từ tháng 7 năm 2021 cho đến nay, chị đã bỏ về nhà đẻ tại số 02/19/37 H, phường C, thành phố H sinh sống và vợ chồng không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay chị xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị và anh C không đạt được mục đích và không còn điều kiện để cải thiện nên chị đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

Về con chung: Chị T xác định vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Gia H, sinh ngày 12/5/2017 hiện đang do anh C trực tiếp nuôi dưỡng và Nguyễn D,

sinh ngày 25/9/2020 hiện đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Nguyễn D và đề nghị giao con chung Nguyễn Gia H cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng. Vì vợ chồng mỗi người trực tiếp nuôi dưỡng một con chung nên không ai phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con và chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng cho con khi ly hôn.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị T xác định vợ chồng không có tài sản chung; vợ chồng không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng tài sản gì, vợ chồng không có công sức chung trong thời gian ở chung cùng gia đình anh C nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết những mối quan hệ này khi ly hôn.

Tại biên bản lấy lời khai, quá trình hoà giải tại Tòa án anh Nguyễn Văn C trình bày: Anh và chị Nguyễn Quỳnh T kết hôn với nhau là tự nguyện, có đăng ký và được UBND phường P, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 06/10/2016. Sau kết hôn, vợ chồng ở cùng gia đình anh và chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không thấu hiểu nhau nên thường nảy sinh quan điểm bất đồng. Từ tháng 7/2021, do mâu thuẫn nên chị T đã đưa con chung Nguyễn D về nhà đẻ ở và vợ chồng không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa, anh có sang tìm chị T hai lần nhưng chị T không quay về chung sống. Nay chị T khởi kiện đề nghị ly hôn, anh C xác định mặc dù vợ chồng không còn tình cảm, khó có điều kiện để cải thiện tình trạng mâu thuẫn nhưng tại thời điểm nay anh không nhất trí ly hôn với lý do nếu ly hôn sẽ gây khó khăn cho việc chăm sóc, giáo dục con chung vì các con chung còn nhỏ.

Về con chung: Anh C xác định vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Gia H, sinh ngày 12/5/2017 và Nguyễn D, sinh ngày 25/9/2020. Trong trường hợp nếu phải ly hôn, anh C đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Nguyễn Gia H và đề nghị giao con chung Nguyễn D cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Trong trường hợp vợ chồng mỗi người trực tiếp nuôi dưỡng một con chung thì không ai phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con và anh C cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng cho con khi ly hôn.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Anh C xác định vợ chồng không có tài sản chung; vợ chồng không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng tài sản gì, vợ chồng không có công sức chung trong thời gian ở chung cùng gia đình anh nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết những mối quan hệ này khi ly hôn.

Tại phiên tòa,

Chị Nguyễn Quỳnh T vẫn giữ nguyên quan điểm theo nội dung khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn anh Nguyễn Văn C, đề nghị giao con chung Nguyễn D cho chị tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung Nguyễn Gia H cho anh C tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng; giữa chị và anh C không ai phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con sau ly hôn. Đối với quan hệ tài sản chung, nợ chung, công sức chị T xác định không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Văn C cũng giữ nguyên quan điểm xác định mâu thuẫn vợ chồng khó có thể cải thiện được nhưng không nhất trí ly hôn vì lý do các con chung còn nhỏ. Trường hợp nếu phải ly hôn anh đề nghị giao con chung Nguyễn D cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung Nguyễn Gia H cho

anh tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng; giữa anh chị T không ai phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con sau ly hôn. Đối với quan hệ tài sản chung, nợ chung, công sức anh xác định không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện VKSND thành phố Hải Dương phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Quỳnh T: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Quỳnh T và anh Nguyễn Văn C

- Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Quỳnh T: Giao con chung Nguyễn D, sinh ngày 25/9/2020 cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung Nguyễn Gia H, sinh ngày 12/5/2017 cho anh C tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận nội dung chị T và anh C không ai phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị T và anh C đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không có công sức chung và đều không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Chị Nguyễn Quỳnh T phải chịu án phí sơ thẩm dân sự ly hôn theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **[1] Về tố tụng:**

Chị Nguyễn Quỳnh T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương giải quyết việc hôn nhân của chị với anh Nguyễn Văn C. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương.

[2] Về hôn nhân: Chị T và anh C kết hôn là tự nguyện, đủ điều kiện và có đăng ký là hôn nhân hợp pháp. Sau kết hôn vợ chồng chung sống vui vẻ, hạnh phúc được thời gian hơn 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, thường bất đồng quan điểm nên dẫn tới vợ chồng thiếu tôn trọng nhau. Từ tháng 7 năm 2021 cho đến nay, chị T đã chủ động ly thân không còn sống chung và không còn quan tâm đến cuộc sống của anh C nữa mặc dù anh C có tìm chị về đoàn tụ. Chị T xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị với anh C không đạt được mục đích, vợ chồng không còn tình cảm nên đề nghị giải quyết ly hôn. Anh C cũng xác định vợ chồng không còn tình cảm và

khó có khả năng cải thiện tình trạng mâu thuẫn để đoàn tụ nhưng không nhất trí ly hôn. Về nguyên nhân và tình trạng mâu thuẫn đều được chị T và anh C thừa nhận nên đây là chứng cứ không phải chứng minh. Nội dung anh C không nhất trí ly hôn với lý do đưa ra là tại thời điểm này, nếu ly hôn sẽ gây khó khăn cho việc chăm sóc, giáo dục con chung vì các con chung còn nhỏ mà mong muốn khi các con lớn hơn một chút thì ly hôn cũng chưa muộn, trong khi tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T, anh C đã kéo dài, đời sống chung không có hạnh phúc và không đạt được mục đích của hôn nhân. Vì vậy, không có căn cứ để chấp nhận quan điểm của anh C mà cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho chị Nguyễn Quỳnh T ly hôn anh Nguyễn Văn C là phù hợp với điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị T và anh C có hai con chung là Nguyễn Gia H, sinh ngày 12/5/2017 và Nguyễn D, sinh ngày 25/9/2020. Kể từ thời gian chị T bỏ về nhà đẻ ở thì cháu H vẫn do anh C trực tiếp nuôi dưỡng, còn cháu Anh vẫn do chị T nuôi dưỡng. Chị T đề nghị Tòa án tiếp tục giao con chung Nguyễn D cho chị nuôi dưỡng và giao con chung Nguyễn Gia H cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng để đảm bảo sự ổn định cho các con chung. Nội dung này chị T đề nghị phù hợp với quan điểm của anh C, phù hợp với tình trạng thực tế. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị T và ý kiến của anh C giao con chung Nguyễn D cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng và giao con chung Nguyễn Gia H cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế cũng như sự ổn định của con chung theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về vấn đề cấp dưỡng cho con sau khi ly hôn: Chị T và anh C đều xác định do vợ chồng mỗi người phải nuôi một con chung nên không bên nào phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con sau khi vợ chồng ly hôn. Thấy rằng, kể từ khi chị T về nhà đẻ cho đến nay, các bên vẫn đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm nuôi dưỡng con chung. Do vậy, cần chấp nhận nội dung chị T và anh C không yêu cầu xem xét về cấp dưỡng cho con khi ly hôn và không đặt ra giải quyết về cấp dưỡng.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị T và anh C đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, vợ chồng không nợ ai và không ai nợ vợ chồng tài sản gì, vợ chồng không có công sức đóng góp với gia đình hai bên nên đều không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết khi ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí sơ thẩm dân sự ly hôn theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị T và bị đơn anh C có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13

ngày 25/11/2015 của Quốc Hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**XỬ:**

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Quỳnh T và anh Nguyễn Văn C.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn D, sinh ngày 25/9/2020 cho chị Nguyễn Quỳnh T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Giao con chung Nguyễn Gia H, sinh ngày 12/5/2017 cho anh Nguyễn Văn C tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận nội dung chị Nguyễn Quỳnh T và anh Nguyễn Văn C không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn. Chị Nguyễn Quỳnh T và anh Nguyễn Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung, không ai được cản trở chị T, anh C thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Quỳnh T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình, được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2021/0000120 ngày 06/5/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương (*chị T đã nộp đủ án phí*).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Quỳnh T và bị đơn anh Nguyễn Văn C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND TP Hải Dương;
- Chi cục THA DS TPHD;
- Các đương sự;
- UBND phường P, thành phố H (để ghi vào sổ hộ tịch-GCNKH số 70/2016 ngày 06/10/20216);
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu VP (HCTP).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Xuân Hiền**